

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HS-PT

Ngày: 04 - 4 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Lê Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Đoàn- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 07/2025/HSPT, ngày 07 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng T, người đại diện hợp pháp cho bị hại bà Phan Thị H đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2024/HSST ngày 10/12/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Bị cáo kháng cáo và bị kháng cáo: **Nguyễn Hoàng T** sinh ngày 01/5/2004; tại tỉnh Trà Vinh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp K, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: ấp K, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng A sinh năm 1975 và bà Trần Thị Hồng T1 sinh năm 1977; chưa có vợ và con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ 03/7/2024 cho đến nay; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Đăng K:

1/. Bà Trần Thị Mỹ T2 sinh năm 1969; trú tại: ấp K, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

2/. Bà Phan Thị H sinh năm 1980; trú tại: ấp K, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 30/8/2023 bị cáo Nguyễn Hoàng T điều khiển xe mô tô biển số 84K1 – 235.79 chở theo Trương Minh L, bị cáo điều khiển xe theo hướng từ ấp C về ấp K, xã T, thị xã D; khi bị cáo điều khiển xe đến đoạn đường nhựa nông thôn thuộc ấp C, xã T thì va chạm với xe mô tô biển số 84K6-2261 do ông Trần Đăng K điều khiển theo hướng chiều ngược lại. Hậu quả làm cả ba người đều bị thương tích và được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T; riêng ông K bị thương tích nặng được gia đình đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện C và Bệnh viện Phục hồi chức năng tại Tp . và đến ngày 07/11/2023 xuất viện về nhà.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản dựng hiện trường xác định:

- Hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông trên đoạn đường hai chiều, mặt đường rộng 04m (mỗi chiều 02m), mặt đường bằng phẳng, không có vạch kẻ đường, đường thẳng, không có tầm nhìn bị che khuất, không có chướng ngại vật, vụ tai nạn giao thông xảy ra vào ban đêm, trời không mưa;

- Vùng va chạm giữa xe mô tô biển số 84K1-235.79 do bị cáo điều khiển với xe mô tô biển số 84K6-2261 do ông K điều khiển trên đoạn đường nông thôn thuộc ấp C, xã T, phía bên phần đường bên phải hướng ấp K, xã T về xã D. T3 vùng va chạm cách lề chuẩn 1,6m (đầu vết nhót do ốp phuộc bên trái xe mô tô biển số 84K6-2261 để lại), cách tim đường ở giữa lộ 0,4m.

Căn cứ thông báo kết quả, điều tra, xác minh, giải quyết tai nạn giao thông của Công an thị xã D xác định lỗi như sau: bị cáo có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô biển số 84K1 – 235.79 tham gia giao thông mà trong hơi thở có nồng độ cồn 0,15miligam/01 lít khí thở đã vi phạm vào khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ (theo khoản 1 Điều 35 Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ “*Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn*”), bị cáo điều khiển xe không đúng phần đường gây tai nạn giao thông là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ, đây là nguyên nhân trực tiếp đến vụ tai nạn giao thông. Bị hại Trần Đăng K: không có giấy phép lái xe, điều khiển phương tiện tham gia giao thông mà trong hơi thở có nồng độ cồn 0,058 miligam /01 lít khí thở là vi phạm vào khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ, nhưng ông K điều khiển xe mô tô đi đúng phần đường quy định nên không có lỗi trong vụ tai nạn giao thông.

Tại bản kết luận giám định số 145/KL-KHHS ngày 03/4/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

- Xe mô tô biển số 84K1 – 235.79 có va chạm với xe mô tô biển số 84K6 – 2261 (gồm: tay lái bên trái, chắn gió bên trái, ốp phuộc bên trái) và bộ phận đầu xe bên trái của xe mô tô biển số 84K6-2261 (gồm: tay lái bên trái, ốp phuộc bên

trái) là vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện. Đoạn đường nhựa xảy ra tai nạn giao thông không có vạch kẻ tìm đường nên trường hợp chia mặt đường hai phần bằng nhau, di chuyển ngược chiều nhau thì vị trí va chạm đầu tiên chiếu xuống mặt đường thuộc phần bên phải (ngay đầu vị trí vết nhót ký hiệu số 05) được ghi nhận trong biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 30/8/2023 của đường nhựa nông thôn, hướng từ ấp K, xã T về xã D. Xe mô tô biển số 84K1-235.79 và xe mô tô biển số 84K6 – 2261 va chạm ngược chiều.

Theo Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 411/KLTTCT-2024 ngày 12/01/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh T kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trần Đăng K tại thời điểm giám định là 98%.

Theo Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 126/KLTTCT-2023 ngày 21/5/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh T kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trương Minh L tại thời điểm giám định là 29%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2024/HSST ngày 10/12/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm b, e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành phạt tù của bị cáo Nguyễn Hoàng T được tính từ ngày chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự, áp dụng các Điều 584, 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường, cụ thể như sau:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T2 tiền chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút của bị hại Trần Đăng K số tiền 87.189.995 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T2 tiền thu nhập thực tế bị mất của bị hại Trần Đăng K số tiền 121.066.364 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T2 tiền chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại Trần Đăng K số tiền 113.500.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường cho ông Trần Văn H1, bà Trần Thị Mỹ T2 tiền tổn thất tinh thần số tiền 114.660.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng cho Trần Gia B sinh ngày 29/8/2018 mỗi tháng là 1.170.000 đồng. Thời điểm buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng là từ ngày 30/8/2023 đến khi Trần Gia B đủ 18 tuổi. Bà Phan Thị H được nhận số tiền cấp dưỡng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 23/12/2024 bị cáo Nguyễn Hoàng T kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm giảm nhẹ trách nhiệm dân sự như sau:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T2 tiền chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút của bị hại số tiền 87.189.995 đồng, bị cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa bản án xem xét lại theo chi phí hóa đơn, chứng từ thực tế mà bị hại khoa nằm viện và điều trị.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho Trần Thị Mỹ T2 số tiền thu nhập thực tế của bị hại Trần Đăng K là 121.066.364 đồng. Bị cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng thu nhập của anh K bị mất theo số tiền anh K thu nhập thực tế hàng ngày.

+ Buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T2 tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại là 113.500.000 đồng. Yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án theo hướng tính thực tế số ngày mà bà T2 đi nuôi bệnh anh K bằng thu nhập hàng ngày của bà.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường cho Trần Văn H1, bà Trần Thị Mỹ T2 tiền tổn thất tinh thần 114.660.000đ yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng không chấp nhận bồi thường cho bà T2.

- Ngày 20/12/2024 người đại diện hợp pháp cho bị hại bà Phan Thị H kháng cáo yêu cầu được nhận:

+ Tiền chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút của bị hại số tiền 87.189.995 đồng;

+ Tiền thu nhập thực tế bị mất của bị hại Trần Đăng K là 1.066.364 đồng;

+ Tiền chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại ½ số tiền là 56.750.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Hoàng T xin rút lại yêu cầu bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T2 tiền chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút của bị hại số tiền 87.189.995 đồng, bồi thường cho Trần Thị Mỹ T2 số tiền thu nhập thực tế của bị hại Trần Đăng K là 121.066.364 đồng; bồi thường cho Trần Văn H1, bà Trần Thị Mỹ T2 tiền tổn thất tinh thần 114.660.000 đồng và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T2 tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại là 113.500.000 đồng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Người đại diện hợp pháp cho bị hại bà Phan Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị cáo bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi xem xét toàn diện nội dung vụ án, lời trình bày của bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Hoàng T tự nguyện rút lại yêu cầu bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T2 tiền chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút của bị hại số tiền 87.189.995 đồng, bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T2 số tiền thu nhập thực tế của bị hại Trần Đăng K là 121.066.364

đồng; bồi thường cho ông Trần Văn H1, bà Trần Thị Mỹ T2 tiền tổn thất tinh thần 114.660.000 đồng. Đề nghị áp dụng Điều 342, Điều 348 Bộ luật tố tụng Hình sự, đình chỉ đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo về phần bồi thường nêu trên.

Đối với yêu cầu kháng cáo buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T2 tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại số tiền 113.500.000 đồng, xét thấy tại phiên tòa hôm nay giữa bị cáo và bà Trần Thị Mỹ T2 thỏa thuận thống nhất số tiền thu nhập một ngày của bà T2 là 200.000/ngày x 454 ngày = 90.800.000 đồng, vì vậy buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T2 tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại là 90.800.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Hoàng T và bà Trần Thị Mỹ T2.

Đối với yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị hại bà Phan Thị H, xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm bà Phan Thị H chỉ yêu cầu bị cáo Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng nuôi cháu Trần Gia B, sinh ngày 29/8/2018 theo quy định của pháp luật đến khi tròn 18 tuổi, ngoài ra không yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản chi phí nào khác. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phan Thị H không có cung cấp thêm tình tiết mới nào cho yêu cầu kháng cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T2 tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại là 90.800.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo người đại diện hợp pháp cho bị hại Phan Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Mỹ T2 tiền tổn thất tinh thần chia 1/3, bà Phan Thị H sẽ được nhận tiền tổn thất tinh thần là 38.220.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị hại là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo xin rút lại yêu cầu kháng cáo phần bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T2 tiền chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút của bị hại số tiền 87.189.995 đồng; bồi thường cho Trần Thị Mỹ T2 số tiền thu nhập thực tế của bị hại Trần Đăng K là 121.066.364 đồng; bồi thường cho ông Trần Văn H1, bà Trần Thị Mỹ T2 tiền tổn thất tinh thần 114.660.000 đồng, xét đây là tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét chấp nhận. Đình chỉ đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo về phần bồi thường nêu trên.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Thị Kim T4 tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại là 113.500.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bởi vì thực tế thu nhập tại địa phương bình quân một người là 150.000.000 đồng/ngày nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định là

250.000 đồng/ngày là quá cao, xét thấy tại phiên tòa hôm nay giữa bị cáo Nguyễn Hoàng T và bà Trần Thị Mỹ T2 thỏa thuận thống nhất số tiền thu nhập một ngày của bà T2 là $200.000/\text{ngày} \times 454 \text{ ngày} = 90.800.000$ đồng, vì vậy bị cáo bồi thường bà Trần Thị Mỹ T2 tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại là 90.800.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị H Hội đồng xét xử xét thấy; chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng, trong thời gian qua mẹ của anh K là bà Trần Thị Mỹ T2 là người trực tiếp bỏ ra số tiền lo chi phí điều trị cho anh K, vì vậy bà T2 được nhận số 87.189.995 đồng. Đối với số tiền 121.066.364 đồng, đây là tiền thực tế mất thu nhập của anh K và tại phiên tòa sơ thẩm bà H không yêu cầu, do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo giao tiền mất thu nhập cho bà T2, vì anh K đang bị bệnh không còn khả năng nhận thức. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Mỹ T2 tiền tổn thất tinh thần chia 1/3, bà Phan Thị H sẽ được nhận tiền tổn thất tinh thần là 38.220.000 đồng, thỏa thuận này là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đối với yêu cầu kháng cáo người đại diện hợp pháp cho bị hại bà Phan Thị H có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần, sửa bản án sơ thẩm về phần bồi thường trách nhiệm dân sự.

Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng cho Trần Gia B sinh ngày 29/8/2018 mỗi tháng là 1.170.000 đồng như không buộc bị cáo phải nộp án phí cấp dưỡng là không đúng quy định pháp luật. Vì vậy cấp phúc thẩm bổ sung buộc bị cáo phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

[5] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, quy định pháp luật và nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không sửa đổi có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoàng T, bà Phan Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342, Điều 348 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng T đối với phần bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T2 tiền chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút của bị hại Trần Đăng K; bồi thường cho Trần Thị Mỹ T2 số tiền thu nhập thực tế của bị hại Trần Đăng K; bồi thường cho Trần Văn H1, bà Trần Thị Mỹ T2 tiền tổn thất tinh thần.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng T và người đại diện hợp pháp cho bị hại bà Phan Thị H.

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2024/HSST ngày 10/12/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh về phần bồi thường trách nhiệm dân sự.

Về trách nhiệm dân sự, áp dụng các Điều 584, 585 và Điều 590 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường, cụ thể như sau:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường cho bà Trần Thị Mỹ T2 tiền chi phí hợp lý và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại Trần Đăng K số tiền 90.800.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng T bồi thường cho ông Trần Văn H1, bà Trần Thị Mỹ T2 và bà Phan Thị H tiền tổn thất tinh thần số tiền 114.660.000 đồng, (mỗi người được nhận 1/3 tương đương số tiền 38.220.000 đồng).

Kể từ ngày bản án sơ thẩm được xét xử cho đến khi thi hành xong khoản nợ này hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải nộp 20.548.654 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí sơ thẩm cấp dưỡng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Hoàng T, bà Phan Thị H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không sửa đổi đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND TX Duyên Hải;
- VKSND TX Duyên Hải;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Trà Vinh;
- Phòng Cảnh sát ĐTCA tỉnh TV;
- CC THADS huyện Duyên Hải;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Mến